

Bản án số: **89/2022/HSST**

Ngày: 28/12/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Hồng Duyên và bà Lê Thị Xuân.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thái Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Bích Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 86/2022/HSST ngày 23 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Công G, sinh ngày 28 tháng 9 năm 198x. Tại Yên Bái.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 09, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái;

Chỗ ở: Tổ 5 phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Con ông: Nguyễn Công T, sinh năm 195x (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 195x. Vợ, con: Chưa có;

Tiền sự: Không.

Tiền án: 01. Ngày 19/02/2014 bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Phú Thọ tuyên phạt hình phạt chính 07 triệu đồng về tội “Đánh bạc”; phải chịu 200.000đ tiền án phí HSST. Kết quả thi hành: các ngày 16/8/2016; 19/4/2017; 17/12/2020 thi hành xong tiền án phí và 3.000.000đồng tiền phạt; còn lại 4.000.000đồng tiền phạt được miễn thi hành án theo Quyết định số 03 ngày 01/3/2021 của TAND thành phố Yên Bái.

* Về nhân thân: Ngày 18/4/2006, bị Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” (Đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 06/9/2022. Hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Yên Bái. Có mặt tại phiên tòa.

2. Đoàn Thị H, sinh ngày 20 tháng 02 năm 198x. Tại tỉnh Phú Thọ.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khu K, xã V, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 06/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nữ; Con ông Đoàn Văn L, sinh năm 195x; Con bà Nguyễn Thị T, sinh năm 196x; Có chồng: Chồng thứ nhất Phạm Văn T, sinh năm 197x (đã ly hôn); Chồng thứ hai: Ngô Minh N, sinh năm 198x (đã ly hôn); Chồng thứ ba: Nguyễn G N, sinh năm 198x; Con: Có 06 con, lớn nhất sinh năm 200x, nhỏ nhất sinh năm 200x.

Tiền sự: Không

Tiền án: 02.

+ Bản án số 10/HSST ngày 19/02/2014 của TAND huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ tuyên phạt Đoàn Thị H hình phạt chính là phạt tiền 6 triệu đồng về tội “Đánh bạc”; phải chịu 200.000 đồng tiền án phí HSST. Kết quả thi hành án: Chưa thi hành được khoản tiền nào.

+ Bản án số 21/HSST ngày 30/5/2014 TAND thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ phạt Đoàn Thị H 07 năm tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; phải chịu 200.000 đồng án phí HSST. Kết quả thi hành án: đã thi hành 200.000 đồng tiền án phí xong ngày 22/7/2014; Chưa chấp hành án đối với hình phạt 07 năm tù.

Ngày 06/12/2021 bị cơ quan CSĐT Công an tỉnh Phú Thọ khởi tố về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại khoản 3 Điều 174 BLHS. Ngày 25/10/2022, bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đưa ra xét xử và phạt 08 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo bản án số 66/HSST. Tại bản án này, HĐXX đã tổng hợp với hình phạt 07 năm tù tại Bản án số 21/HSST ngày 30/5/2014 của TAND thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Buộc Đoàn Thị H phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 15 năm tù. Bản án số 66/HSST hiện đang bị kháng cáo.

Ngày 28/6/2022 bị cơ quan CSĐT Công an huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái khởi tố về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, quy định tại khoản 3 Điều 174 BLHS.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, theo Lệnh số 217/2022/HSST-LCĐKNCT ngày 23/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Hiện đang tại ngoại tại Khu Đoàn Kết, xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

* *Bị hại:* Bà Hoàng Thị D, sinh năm 197x. Địa chỉ: Tổ 0x, phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

* *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Nguyễn Quang D. Sinh năm 199x. Địa chỉ: TDP H, thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt.

- Anh Đào Văn N, sinh năm 198x. Địa chỉ: Tổ X, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 195x. Địa chỉ: Tổ 0x, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 196x. Địa chỉ: Tổ 0x, phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

** Những người làm chứng:*

- Anh Nguyễn G N, sinh năm 198x. Địa chỉ: Số 20x, KDC C, phường A, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

- Anh Trần Tiến T, sinh năm 198x. Địa chỉ: Khu T, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Do không có việc làm, không có tiền chi tiêu cho bản thân, nên ngày 04/01/2022, Nguyễn Công G đến nhà Đoàn Thị H ở khu Đ, xã V, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. G rủ H cùng đi tìm chỗ thuê xe ô tô để mang đi cầm cố lấy tiền chia nhau, H đồng ý. Cả hai thống nhất G sẽ là người đi tìm thuê xe ô tô, còn H sẽ là người mang xe do G thuê được đi cầm cố lấy tiền. Thực hiện ý định đó, khoảng 10 giờ 30 phút ngày 06/01/2022, G đến nhà bà Hoàng Thị D hỏi thuê 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS, biển kiểm soát: 21A - 035.xx. G đã nói dối bà D mục đích thuê chiếc xe ô tô này để làm phương tiện đi làm ăn, bà D đã tin tưởng vào lời G nói nên đã đồng ý làm hợp đồng cho G thuê xe với thỏa thuận giá thuê là 500.000đồng/1 ngày, thời gian thuê là 15 ngày kể từ ngày 06/01/2022 đến ngày 20/01/2022, là: 500.000 đồng x 15 ngày = 7.500.000đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng), tuy nhiên bà D chỉ yêu cầu G phải trả số tiền thuê xe là 7.000.000đồng (Bảy triệu đồng), và tiền G nợ cũ là 8.000.000 đồng (Do trước đó G đã thuê xe ô tô của bà D và có để lại 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe và 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, biển kiểm soát: 21V9 – 01xx của Đào Văn N, để đặt làm tài sản thế chấp, nhưng chưa trả hết tiền thuê. Do ngay lúc đó thì G chưa có tiền nên đã hẹn bà D đến tối cùng ngày sẽ quay lại trả tiền thuê xe và lấy xe mô tô về. Sau đó G gọi điện thoại cho H để vay tiền và nhờ H chuyển khoản cho 15.000.000đồng qua tài khoản ngân hàng cho bà D. Đồng thời G gọi điện thoại rủ chồng của H là Nguyễn Giang N đi lên thành phố Yên Bái chơi, mục đích cùng G mang chiếc xe ô tô vừa thuê được xuống thị xã Phú Thọ và Nam đã đồng ý. Đến khoảng 19giờ 30 phút cùng ngày, sau khi được H báo cho biết đã có tiền cho G vay, thì G một mình quay lại nhà bà D và bảo H chuyển số tiền cho bà D, H đã sử dụng tài khoản ngân hàng quân đội MBBank của mình số: 20021983xxxx chuyển số tiền 15.000.000đồng (Mười lăm triệu đồng) đến tài khoản ngân hàng Viettinbank của bà D số: 105877271xxxx, nhận được tiền do H chuyển khoản nên bà D đã giao xe cho G. Sau đó G cùng với Nam điều khiển chiếc xe ô tô đi về thị xã Phú Thọ. Trên đường đi đến nút giao S, đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai thuộc địa phận tỉnh Phú Thọ, N và G xuống xe để đi vệ sinh nhưng quên không rút chìa khóa và đóng cửa xe ô tô lại, sau đó cả hai quay lại xe ô tô thì không mở được cửa nên G phải gọi bà D cho người đưa thêm 01 chiếc chìa khóa phụ, Sau đó G bảo Nam khiển chiếc xe ô tô đi xuống thị xã Phú Thọ giao xe cho H, còn G lại đi taxi quay về thành phố Yên Bái giải quyết công việc cá nhân. Nhận được xe, tối cùng ngày 06/01/2022 H gọi điện thoại cho Nguyễn Quang D để thỏa thuận cầm cố và được D đồng ý nhận cầm cố

với số tiền là 68.000.000đồng. D bảo H mang xe đến Km 19, đường Cao tốc Nội Bài - Lào Cai thuộc huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc để giao xe, khoảng 19 giờ 07/01/2022, H thuê Trần Tiến T mang xe giao cho D, nhận được xe, D chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng Quân đội MBBank số: 99999385xxxx mang tên Nguyễn Quang D đến tài khoản ngân hàng Quân đội MBank của H số tiền 68.000.000đồng. H chia cho G 30.000.000đồng, H giữ lại 38.000.000đồng. G, H đều đã chi tiêu hết số tiền trên cho bản thân. Sau đó bà D đã nhiều lần gọi điện yêu cầu G mang xe về trả nhưng G hứa hẹn nhiều lần vẫn không trả xe nên bà D đã đến Công an phường Minh Tân, thành phố Yên Bái tố giác.

Ngày 22/3/2022, Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Yên Bái đã ra Quyết định truy tìm số: 04/QĐ-TT-ĐCSHS để phối hợp cùng các đơn vị liên quan tiến hành truy tìm chiếc xe ô tô trên. Đến ngày 11/8/2022, Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Yên Bái đã phát hiện và tạm giữ được chiếc xe ô tô nêu trên tại khu vực thuộc G, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 27/KL- HĐĐGTS, ngày 21/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Yên Bái kết luận: “Chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS biển kiểm soát: 21A - 035.xx tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 06/01/2022 có giá trị là 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng).

Bản cáo trạng số 78/CT-VKS ngày 21/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái truy tố Nguyễn Công G về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS. Truy tố Đoàn Thị H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 174 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Công G, Đoàn Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Về hình phạt:

- + Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Công G từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

- + Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt Đoàn Thị H từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự:

- + Buộc Nguyễn Công G phải bồi thường cho bà Hoàng Thị D số tiền 136.100.000đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu, một trăm nghìn đồng chẵn; trong đó 120.000.000đồng là tiền thuê xe; 16.100.000đồng là tiền sửa chữa, bảo dưỡng xe). Gia đình bị cáo đã bồi thường được 20.000.000đồng, G còn phải tiếp tục bồi thường cho bà D số tiền là 116.100.000đồng.

+ Đối với số tiền 68.000.000đồng là tiền Nguyễn Quang D trả cho Đoàn Thị H do cầm cố xe ô tô. Dũng không yêu cầu H phải trả lại khoản tiền này nên không xét.

+ Đối với số tiền 30.000.000đồng Nguyễn Công G đã đưa cho Đoàn Thị H để đi chuộc xe nhưng H đã chi tiêu hết, G không yêu cầu H phải trả lại số tiền này, nên không xét.

+ Đối với số tiền 15.000.000đồng là tiền Đoàn Thị H chuyển khoản cho bà Hoàng Thị D để bà D cho G thuê xe ô tô, H không yêu cầu G phải trả cho H số tiền này, nên không xét.

- Về xử lý vật chứng: Đã được xử lý trong giai đoạn điều tra.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án buộc các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo G, H thừa nhận sử dụng thủ đoạn gian dối, chiếm đoạt tài sản của bà Hoàng Thị D như nêu trên. Các bị cáo rất hối hận và xin Hội đồng xét xử cho hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Yên Bái, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, những người tham gia tố tụng khác, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Công G, Đoàn Thị H thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội D bản cáo trạng đã truy tố, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Bản kết luận định giá tài sản, vật chứng thu giữ, kết luận điều tra, bản cáo trạng, nên có đủ cơ sở để kết luận:

Do cần tiền chi tiêu cá nhân, Nguyễn Công G và Đoàn Thị H đã bàn bạc, thỏa thuận tìm thuê xe ô tô sau đó đem đi cầm cố để lấy tiền chia nhau, cả hai thống nhất G là người thuê xe ô tô, còn H đảm nhiệm mang xe đi cầm cố lấy tiền. Để thực hiện

ý định, ngày 06/01/2022, tại tổ 0x, phường M, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, G đã tìm gặp bà Hoàng Thị D, ký hợp đồng thuê 01 xe nhãn hiệu TOYOTA VIOS, biển kiểm soát: 21A-035.xx, với giá thỏa thuận là 500.000đồng/01 ngày, thời hạn thuê 15 ngày, sau khi thuê được xe, G đã giao cho Đoàn Thị H đem đi cầm cố cho Nguyễn Quang Dũng được số tiền là 68.000.000đồng.

Hành vi sử dụng thủ đoạn gian dối, đưa ra thông tin giả để bà D tin là thật nên đồng ý cho G thuê xe ô tô, sau đó mang đi cầm cố lấy tiền chi tiêu do Nguyễn Công G, Đoàn Thị H thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại Điều 174 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, HĐXX thấy:

Hành vi do các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Các Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức, điều khiển mọi hành vi, hoạt động của bản thân nhưng lười lao động, vì động cơ tư lợi nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần đưa ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo nên cho hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Quá trình giải quyết vụ án, Nguyễn Công G đã tác động với mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Thanh tích cực bồi thường thiệt hại cho bà Hoàng Thị D số tiền là 20.000.000đồng, nên G được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Công G có một tiền án về tội “Đánh bạc” chưa được xóa, nên lần phạm tội này là “tái phạm”, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Bị cáo Đoàn Thị H có hai tiền án về tội “Đánh bạc” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tính đến ngày phạm tội mới bị cáo vẫn chưa chấp hành xong hình phạt chính của cả hai bản án nên lần phạm tội này là “tái phạm nguy hiểm”, do đó bị xử lý theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 174BLHS.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái truy tố Nguyễn Công G theo điểm c khoản 2 Điều 174; truy tố Đoàn Thị H theo điểm c, d khoản 2 Điều 174 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo giữ vai trò ngang nhau trong việc thực hiện tội phạm, tuy nhiên xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội do từng bị cáo thực hiện, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, HĐXX thấy: Bị cáo G phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm”, nhưng có hai tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51

BLHS. Bị cáo H bị xử lý theo hai tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm c,d khoản 2 Điều 174, nhưng chỉ có một tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, nên cần áp dụng mức hình phạt đối với H nghiêm khắc hơn so với G để đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật.

Các bị cáo đồng phạm nên áp dụng Điều 17, 58 khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

+ Bà Hoàng Thị D yêu cầu Nguyễn Công G phải bồi thường số tiền là 138.000.000đồng, trong đó 120.000.000đồng là tiền thuê xe, 18.000.000đồng là tiền sửa chữa, bảo dưỡng xe. Gia đình bị cáo đã bồi thường được số tiền là 20.000.000đồng, bà D yêu cầu G phải tiếp tục bồi thường số tiền là 118.000.000đồng.

Xét thấy, các hóa đơn, chứng từ bà D cung cấp thì tiền bảo dưỡng, sửa chữa xe là 16.100.000đồng, nên bà D được chấp nhận số tiền bồi thường là 16.100.000đồng, số tiền vượt quá 1.900.000đồng (18.000.000đồng - 16.100.000đồng) không có hóa đơn, chứng từ, chứng minh nên không được HĐXX chấp nhận. Xét yêu cầu bồi thường của bà D là có căn cứ, các bị cáo G, H là đồng phạm, lẽ ra phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho người bị hại, tuy nhiên bà D chỉ yêu cầu G phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại và G nhất trí. Do đó cần Buộc G phải bồi thường cho bà D số tiền thuê xe là 120.000.000đồng, tiền sửa xe là 16.100.000đồng.

Tổng số tiền G phải bồi thường cho bà D là 136.100.000đồng. Bị cáo đã bồi thường được 20.000.000đồng, còn phải tiếp tục bồi thường cho bà D số tiền là 116.100.000đồng.

Đối với số tiền 58.050.000đồng G tự nguyện bồi thường cho bà D thay cho H (116.100.000đồng/2), G không yêu cầu H phải hoàn trả lại cho mình nên HĐXX không xem xét, giải quyết trong vụ án này. G có quyền khởi kiện H để đòi tài sản trong một vụ kiện dân sự độc lập khác khi có yêu cầu.

+ Đối với số tiền 68.000.000đồng là tiền Nguyễn Quang Dũng trả cho Đoàn Thị H do cầm cố xe ô tô. Dũng không yêu cầu H phải trả lại khoản tiền này nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

+ Đối với số tiền 15.000.000đồng Đoàn Thị H chuyển khoản cho bà Hoàng Thị D để D đồng ý cho G thuê xe ô tô, H không yêu cầu G phải trả lại số tiền này, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

+ Đối với số tiền 30.000.000đồng Nguyễn Công G đã đưa cho Đoàn Thị H để đi chuộc xe nhưng H đã chi tiêu cá nhân hết, G không yêu cầu H phải trả lại số tiền này, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

+ Đối với số tiền 20.000.000đồng là tài sản của bà Nguyễn Thị Thanh (mẹ đẻ G), bà Thanh tự nguyện đứng ra bồi thường cho bà D thay cho bị cáo G và không yêu cầu G phải hoàn trả lại cho mình số tiền này, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về tổng hợp hình phạt: Tính đến ngày phạm tội mới, Đoàn Thị H còn hai bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng chưa chấp hành là: Bản án số 10/HSST ngày 19/02/2014 TAND huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ tuyên phạt Đoàn Thị H hình phạt chính là phạt tiền 06 triệu đồng về tội “Đánh bạc” và bản án số 21/HSST ngày 30/5/2014 của TAND thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ phạt Đoàn Thị H 07 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tuy nhiên, bản án số 10/HSST ngày 19/02/2014 hình phạt chính là phạt tiền nên không tổng hợp hình phạt vào bản án này.

Đối với bản án số 21/HSST ngày 30/5/2014 của TAND thị xã Phú Thọ, đã được tổng hợp hình phạt với bản án số 66/2022/HS-ST ngày 25/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, buộc H phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 15 năm tù. Do bản án số 66/2022/HS-ST ngày 25/10/2022 của Tòa án tỉnh Phú Thọ bị H kháng cáo quá hạn, đến ngày xét xử vụ án này (ngày 28/12/2022) chưa có kết quả xét kháng cáo quá hạn của Tòa án cấp cao, nên bản án chưa có hiệu lực pháp luật. Mặt khác, bản án số 66/2022/HS-ST ngày 25/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ do Tòa án cấp tỉnh giải quyết, nên việc tổng hợp hình phạt của nhiều bản án thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp cao hơn. HĐXX không tổng hợp hình phạt cùng với bản án này, khi nào bản án có hiệu lực, sẽ được tổng hợp hình phạt theo quy định của pháp luật.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS BKS: 21A-035.xx, quá trình điều tra xác định là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Hoàng Thị D, do vậy ngày 20/9/2022 Cơ quan CSĐT-Công an thành phố Yên Bái đã trả lại cho bà D là phù hợp.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, BKS: 21V9-01xx; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 010715 mang tên Cao Viết Tú, là tài sản thuộc quyền sở hữu của anh Đào Văn N. Cơ quan CSĐT-Công an thành phố Yên Bái đã trả lại cho anh Ninh là phù hợp.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là đối tượng không có việc làm, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về hành vi của các đối tượng khác có liên quan:

+ Đối với Nguyễn Quang D là người nhận cầm cố chiếc xe ô tô biển kiểm soát 21A- 035.30, tuy nhiên D không biết xe ô tô này do G và H phạm tội mà có. Khi nhận cầm cố xe ô tô D và H thỏa thuận chưa tính lãi suất mà để đến khi nào H trả

tiền, chuộc xe ô tô thì mới tính. D cũng chưa được hưởng lợi gì từ việc cho H cầm cố xe nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Yên Bái không đề cập xử lý đối với Dũng là phù hợp.

+ Đối với Nguyễn G Nam và Trần Tiến T: Quá trình điều tra xác định Nam là người được G nhờ điều khiển chiếc xe ô tô kiểm soát: 21A - 035.xx mang xuống giao cho H; còn Thành được H thuê mang xe ô tô giao cho Nguyễn Quang D. Cả N và T đều không biết chiếc xe ô tô là tài sản do G và H phạm tội mà có, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Yên Bái không xem xét trách nhiệm đối với Nam và Thành trong vụ án này là phù hợp.

+ Đối với Đào Văn N: Là người cho G mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, biển kiểm soát: 21V9 – 01xx, tuy nhiên G đã nói cho N biết mục đích mượn xe mô tô là để đi đặt làm tin, để thuê xe ô tô và N đã đồng ý. Ninh không biết mục đích G thuê xe ô tô rồi chiếm đoạt chiếc xe ô tô của bà D nên không đặt vấn đề xử lý đối với Ninh là phù hợp.

[9] Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, cũng như tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo, xét mức hình phạt Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái đề nghị là phù hợp, nên được HĐXX chấp nhận.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu tiền án phí sơ thẩm; Bị cáo; bị hại; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Công G, Đoàn Thị H phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt Nguyễn Công G **03 (Ba)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/9/2022 (ngày tạm giam bị cáo).

- Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt Đoàn Thị H **03** năm **06** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584; 585; 586; 589; 288; 357; 468 Bộ luật dân sự 2015. Buộc Nguyễn Công G phải bồi thường cho bà Hoàng Thị D số tiền là 116.100.000 đồng (Một trăm mười sáu triệu, một trăm nghìn đồng chẵn).

Kể từ ngày bà D có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại

Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Công G phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 5.805.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Đoàn Thị H phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKS tỉnh Yên Bái;
- VKSNDTPYB;
- CA tỉnh YB;
- Nhà tạm giữ CATYB (01bc);
- Bị cáo TN (01 bc);
- Bị hại (01);
- Người lq (04);
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- THADS thành phố;
- Hồ sơ NVCATP YB;
- THA phạt tù (2);
- Lưu HS, TA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thủy

